**Mẫu 1:**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY Ở CẤP TIỂU HỌC**

Họ, tên người dạy :

Tên bài dạy: Môn:

Lớp:.......Trường Tiểu học:

Quận, huyện:

Tỉnh, TP :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÁC LĨNH VỰC** | **TIÊU CHÍ** | **ĐIỂM TỐI ĐA** | **ĐIỂM ĐÁNH GIÁ** |
| **I. KIẾN THỨC**  **(5 ĐIỂM)** | 1.1 Xác định được vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức và kĩ năng, nội dung cơ bản trọng tâm của bài dạy.  1.2 Giảng dạy kiến thức cơ bản, có hệ thống  1.3 Nội dung dạy học đảm bảo giáo dục toàn diện (về thái độ, tình cảm, thẩm mĩ)  1.4 Khai thác nội dung dạy học nhằm phát triển năng lực học tập của học sinh.  1.5 Nội dung dạy học phù hợp tâm lí lứa tuổi, tác động tới các đối tượng, kể cả học sinh khuyết tật, học sinh lớp ghép (nếu có)  1.6 Nội dung dạy học cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế, đời sống xung quanh của học sinh. | 1  1  0,5  1  1  0,5 |  |
| **II. KĨ NĂNG SƯ PHẠM**  **(7 ĐIỂM)** | 2.1 Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập...)  2.2. Vận dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo của học sinh.  2.3 Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học và theo hướng đổi mới.  2.4. Xử lí các tình huống sư phạm phù hợp với đối tượng và có tác dụng giáo dục.  2.5 Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, kể cả ĐDDH tự làm thiết thực, có hiệu quả.  2.6 Lời giảng mạch lạc, truyền cảm; chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí.  2.7 Phân bố thời gian đảm bảo tiến trình tiết dạy, đạt mục tiêu của bài dạy và phù hợp với thực tế của lớp học | 1  2  1  0,5  1  0,5  1 |  |
| **III. THÁI ĐỘ SƯ PHẠM**  **(3 ĐIỂM)** | 3.1 Tác phong sư phạm chuẩn mực, gần gũi, ân cần với học sinh.  3.2 Tôn trọng và đối xử công bằng với học sinh.  3.3 Kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, động viên để mỗi học sinh đều được phát triển năng lực học tập. | 1  1  1 |  |
| **IV. HIỆU QUẢ**  **(5 ĐIỂM)** | 4.1 Tiến trình tiết dạy hợp lí, nhẹ nhàng; các hoạt động học tập diễn ra tự nhiên, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm của học sinh tiểu học.  4.2 Học sinh tích cực, chủ động tiếp thu bài học, có tình cảm, thái độ đúng.  4.3 Học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và biết vận dụng vào các bài luyện tập, thực hành sau tiết dạy. | 1  1  3 |  |
|  | Cộng | 20 |  |

Xếp loại tiết dạy:

Loại Tốt: 18 → 20 (Các tiêu chí 1.2, 2.1, 3.2, 4.3 không bị điểm 0).

Loại Khá: 14→17,5 (Các tiêu chí 1.2, 2.1, 3.2, 4.3 không bị điểm 0).

Loại Trung bình: 10→13,5 (Các tiêu chí 1.2, 2.1, 3.2, 4.3 không bị điểm 0).

Điểm tiết dạy:

Loại Chưa đạt: dưới 10 (Hoặc một trong các tiêu chí 1.2, 2.1, 3.2, 4.3 bị điểm 0).

Xếp loại:

Ghi chú:

*- Thang điểm của từng tiêu chí là 0; 0,5; 1. (Riêng tiêu chí 2.2 là 0; 0,5; 1; 1,5; 2, tiêu chí 4.3 là: 0; 1; 2; 3)*

*- Điểm về hiệu quả tiết dạy (tiêu chí 4.3) có thể thay bằng kết quả khảo sát sau tiết dạy:*

*Đạt yêu cầu từ 90% trở lên (3 điểm); Đạt yêu cầu từ 70% trở lên (2 điểm).*

*Đạt yêu cầu từ 50 trở lên ( 1 điểm); Đạt yêu cầu dưới 50% ( 0 điểm)*

*- Khi chấm điểm cần căn cứ vào đặc thù của từng bộ môn và từng bài dạy cụ thể để cho điểm các tiêu chí một cách linh hoạt, tránh máy móc, cứng nhắc. Một lĩnh vực vẫn có thể đạt điểm tối đa mặc dù có tiêu chí trong lĩnh vực đó không cho điểm, khi đó cần giải thích rõ và phần điểm của tiêu chí này được cộng thêm vào tiêu chí mà giáo viên đạt xuất sắc trong cùng lĩnh vực.*

|  |  |
| --- | --- |
| **GHI CHÉP HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU THEO TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY** | **GHI CHÚ** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Nhận xét chung về tiết dạy (Ưu điểm, khuyết điểm chính):** | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |

......................, ngày...........tháng.........năm........

Họ, tên người dự giờ :

Chứ vụ : (Ký và ghi rõ họ tên)

Đơn vị công tác :

**Mẫu phiếu đánh giá tiết dạy cấp Tiểu học - Mẫu 2 - Năm 2015**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY Ở CẤP TIỂU HỌC**

*(Dùng cho Chương trình hiện hành và Tiếng Việt 1 Công nghệ Giáo dục)*

Họ, tên người dạy:..................................................................................................................

Tên bài dạy:.......................................................................................................................... Môn:................................................................Lớp.............................................................

Trường Tiểu học:...............................................................................................................

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các lĩnh vực** | **Tiêu chí** | | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| **Kiến thức**  **(3 điểm)** | 1 | Xác định được vị trí, mục tiêu, chuẩn kiến thức và kĩ năng, nội dung cơ bản trọng tâm của bài dạy. | 1.5 |  |
| 2 | Đảm bảo chính xác, hệ thống, toàn diện (về kiến thức, kĩ năng; năng lực; phẩm chất). | 1.5 |  |
| **Hoạt động của giáo viên**  **(8 điểm)** | 3 | Dạy học đúng đặc trưng bộ môn, đúng loại bài (lí thuyết, luyện tập, thực hành, ôn tập...) | 1 |  |
| 4 | Vận dung phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với các đối tượng theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. | 2 |  |
| 5 | Kiểm tra, nhận xét và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo đúng Thông tư 30 | 2 |  |
| 6 | Sử dụng hợp lý, hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học; tác phong sư phạm chuẩn mực, lời nói mạch lạc, truyền cảm; chữ viết đúng, đẹp, trình bày bảng hợp lí. | 1 |  |
| 7 | Khai thác nội dung dạy học, liên hệ, cập nhật những vấn đề xã hội, nhân văn gắn với thực tế nhằm phát triển năng lực học tập của học sinh. | 1 |  |
| 8 | Xử lí tốt tình huống sư phạm, phân bố thời gian hợp lý, kịp thời giúp đỡ học sinh có khó khăn trong học tập, học sinh khuyết tật (nếu có). | 1 |  |
| **Hoạt động**  **của học sinh**  **(5 điểm)** | 9 | Chuẩn bị sách, vở, đồ dùng học tập đầy đủ và sử dụng hiệu quả; biết làm việc theo lệnh, động hình của giáo viên | 1 |  |
| 10 | Mạnh dạn, tự tin khi hợp tác với bạn và giao tiếp trước lớp. | 1 |  |
| 11 | Biết đánh giá kết quả học tập của mình và của bạn. | 1 |  |
| 12 | Biết lắng nghe, tìm kiếm sự trợ giúp của thầy cô, bạn bè để hoàn thành nhiệm vụ. | 1 |  |
| 13 | Tích cực, chủ động tiếp thu bài học; làm việc theo nhóm hiệu quả. | 1 |  |
| **Hiệu quả**  **(4 điểm)** | 14 | Hầu hết học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và năng lực, phẩm chất được hình thành và phát triển. | 2 |  |
| 15 | Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống khác (nâng cao) | 1 |  |
| 16 | Hoạt động dạy - học diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng và hiệu quả | 1 |  |
| **Cộng** | | | **20** |  |

Xếp loại tiết dạy:.......................................................................................

Loại **Tốt**: 18 → 20 (không có tiêu chí nào dưới 1/2 điểm tối đa);

Loại **Khá**: 14 → dưới 18 (các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 đạt từ 1/2 điểm tối đa trở lên, các tiêu chí còn lại không bị điểm 0);

Loại **Trung bình**: 10 → dưới 14 (các tiêu chí không bị điểm 0);

Loại **Chưa đạt**: dưới 10 (hoặc một trong các tiêu chí 1; 2; 4 ; 5; 14 bị điểm 0).

Họ, tên người dự giờ........................................

Chức vụ:..........................................................

Đơn vị công tác:...............................................

........................ *ngày...........tháng.........năm........*

*(Kí tên)*

**NHỮNG ĐIỀU QUAN SÁT ĐƯỢC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Diễn biến nội dung bài học, hoạt động của giáo viên** | **Phản ứng của học sinh** | **Nguyên nhân** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY Ở CẤP TIỂU HỌC**

*(Dùng cho Mô hình trường học mới VNEN)*

Họ và tên người dạy: Lớp:

Trường Tiểu học:

Môn: Tên bài dạy:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| **1. Hoạt động của giáo viên**  **(6 điểm)** | 1.1. Biêt kết hợp 5 bước dạy học của giáo viên và 10 bước học tập của HS. | 1 |  |
| 1.2. Biết sử dụng và điều chỉnh (*nếu có*) tài liệu HDH phù hợp đảm bảo chuẩn kiến thức và kĩ năng; Phương pháp, hình thức tổ chức lớp học hợp lý, phát huy hiệu quả các hoạt động học tập của học sinh. | 1 |  |
| 1.3. Bao quát được lớp học, các nhóm học tập, từng HS và hỗ trợ kịp thời khi HS có yêu cầu hoặc thấy cần thiết. | 1 |  |
| 1.4. Thực hiện việc đánh giá thường xuyên đối với HS, các biện pháp hỗ trợ phù hợp, hiệu quả, khích lệ động viên học sinh hoàn thành các yêu cầu bài học; tạo điều kiện để HS được đánh giá trong nhóm và tự đánh giá. | 1,5 |  |
| 1.5. Tổ chức linh hoạt các hoạt động học tập, bố trí thời gian hợp lý cho từng hoạt động; khai thác, sử dụng hợp lý các công cụ học tập trong lớp học *(nếu có)* để hỗ trợ hoạt động học hiệu quả. | 1 |  |
| 1.6. Tác phong sư phạm chuẩn mực, gần gũi, thân thiện với học sinh | 0,5 |  |
| **2. Hoạt động của**  **học sinh**  **(10 điểm)** | 2.1. Chuẩn bị đồ dùng học tập đầy đủ, tự giác thực hiện các bước học tập, biết sử dụng tài liệu hướng dẫn học, đồ dùng học tập hiệu quả; Biết làm việc cá nhân, mạnh dạn, tự tin hợp tác với các bạn trong nhóm, lớp để giải quyết nhiệm vụ học tập. | 2,5 |  |
| 2.2. Có khả năng tự học, đánh giá kết quả đúng theo yêu cầu học tập; biết lắng nghe, tìm kiếm trợ giúp của thầy cô, bạn bè để hoàn thành nhiệm vụ; biết chia sẻ kết quả học tập với bạn bè. | 2 |  |
| 2.2. Nhận, biết nhiệm vụ của nhóm, biết phân công, giao nhiệm vụ cho các bạn trong nhóm. | 1 |  |
| 2.3. Sử dụng các đồ dùng, phương tiện học tập hợp lý, hiệu quả (*Tài liệu HDH, Phiếu học tập, ĐD khác*) | 1,5 |  |
| 2.4. Biết hợp tác và hỗ trợ các thành viên hoàn thành nhiệm vụ; trung thực, kỉ luật, đoàn kết trong nhóm, lớp. | 1,5 |  |
| 2.5. Biết tổ chức đánh giá trong nhóm và báo cáo với thầy, cô giáo về kết quả hoạt động của nhóm. | 1,5 |  |
| **3. Hiệu quả**  **(4 điểm)** | 3.1. **C**ác hoạt động day-học diễn ra nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học. | 1 |  |
| 3.2. Học sinh nắm được kiến thức, kĩ năng cơ bản của bài học và có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. | 1,5 |  |
| 3.3.Học sinh được hình thành và phát triển một số năng lực phẩm chất | 1,5 |  |
| **Cộng** | | **20** |  |

***Xếp loại:***

|  |  |
| --- | --- |
| - Loại **Tốt**: 18 đến 20 điểm (*không có tiêu chí nào bị điểm 0*) - Loại **Khá**: 14 đến dưới 18 điểm (*không có tiêu chí nào bị điểm 0*) - Loại **Trung bình**: 10 đến dưới 14 điểm.  - Loại **Chưa đạt**: dưới 10 điểm. | Điểm tiết dạy  ............../20  Xếp loại: .............................. |